TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **121/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Ông Lê Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 161/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp TA, xã TB, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 6B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú hiện nay: ấp 5A, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 26/02/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy T trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Trần Văn M chung sống với nhau vào năm 1996, đến năm 2012 đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/8/2012. Chị và anh Trần Văn M có 02 người con chung tên: Trần Văn S, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1997 và Trần Thị KN, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011 hiện nay Trần Thị KN đang chung sống với chị, còn Trần Văn S lập gia đình sinh sống riêng; về tài sản chung và nợ, chị và anh Trần Văn M không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Trần Văn M thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn để cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, chị và anh Trần Văn M sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, anh Trần Văn M có mối quan hệ với người phụ nữ khác và có cuộc sống riêng. Chị thấy, chị và anh Trần Văn M không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Trần Thị KN, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Trần Thị KN, chị không yêu cầu anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con mặc dù đã được Tòa án giải thích về cấp dưỡng nuôi con chung; còn người con chung tên Trần Văn S hiện nay đã thành niên sống tự lập, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Trần Văn M không có tài sản chung, không có nợ và chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày ý kiến nguyện vọng ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Trần Thị KN, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011 như sau*:

Trần Thị KN hiện nay cư trú tại: Sn 289, t14, ấp TA, xã TB, huyện TH, tỉnh Kiên Giang, là con của anh Trần Văn M và chị Nguyễn Thị Thúy T. Từ khi cha và mẹ của Trần Thị KN không chung sống với nhau thì Trần Thị KN sống chung với chị Nguyễn Thị Thúy T. Nếu cha và mẹ của Trần Thị KN ly hôn thì Trần Thị KN có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Nguyễn Thị Thúy T và cam kết lời trình bày chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

** Tại các Biên bản xác minh ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Trần Văn M cư trú tại ấp 6B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, hiện nay cư trú tại: ấp 5A, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, sinh sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh Trần

Văn M không lo làm ăn kinh tế trong gia đình, anh chị đã sống ly thân với nhau đến nay hơn 5 năm, từ khi anh chị ly thân đến nay người con chung của anh chị tên Trần Thị KN chung sống với chị Nguyễn Thị Thúy T; người con chung của anh chị tên Trần Văn S hiện nay đã trưởng thành.

* *Bị đơn anh Trần Văn M*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Trần Văn M biết để anh có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị Thúy T yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh nhưng anh Trần Văn M không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân tên Nguyễn Thị Thúy T (Bản sao); Trích lục kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Trần Văn M số: 135/TLKH-BS ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Bản sao); Giấy khai sinh tên Trần Văn S, sinh ngày 12/10/1997 (Bản sao); Trích lục khai sinh tên Trần Thị KN, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 26 tháng 02 năm 2024 của chị Nguyễn Thị Thúy T (Bản chính); Bản trình bày nguyện vọng của ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Trần Thị KN, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011 (Bản chính); 02 Biên bản xác minh ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

* *Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy T được ly hôn với anh Trần Văn M. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Trần Thị KN đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Trần Thị KN, chị không yêu cầu anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con; còn người con chung tên Trần Văn S hiện nay đã thành niên sống tự lập, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Trần Văn M không có tài sản chung, chị cam kết không có nợ và chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Trần Văn M vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các trình tự thủ tục tố tụng theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân

sự. Bị đơn anh Trần Văn M vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M, khi ly hôn yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Trần Thị KN theo nguyện vọng của Trần Thị KN đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Thúy T được ly hôn với anh Trần Văn M và giao người con chung của anh chị tên Trần Thị KN cho chị tiếp tục nuôi dưỡng; người con chung của anh chị tên Trần Văn S hiện nay đã thành niên sống tự lập, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị Thúy T không yêu cầu anh Trần Văn M nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung và nợ, chị tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn M, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn cư trú tại ấp 6B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, hiện nay cư trú tại ấp 5A, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Thúy T và anh Trần Văn M chung sống với nhau vào năm 1996, đến năm 2012 đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nơi một trong hai người cư trú)*, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 135 ngày 28/8/2012, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy T được ly hôn với anh Trần Văn M, thời gian chị và anh Trần Văn M chung sống, chị và anh Trần Văn M thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn để cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, chị và anh Trần Văn M sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến

nay, anh Trần Văn M có mối quan hệ với người phụ nữ khác và có cuộc sống riêng. Chị thấy, chị và anh Trần Văn M không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M; trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn M không có ý kiến yêu cầu gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, thời gian anh chị chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến năm 2018 anh chị sống ly thân cho đến nay là một thời gian rất dài mà anh chị không có biện pháp để hàn gắn về chung sống với nhau là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Thúy T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M nhưng anh Trần Văn M không có ý kiến gì, không quan tâm đến việc chị Nguyễn Thị Thúy T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M. Do đó, chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy T, cho chị Nguyễn Thị Thúy T được ly hôn với anh Trần Văn M là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Nguyễn Thị Thúy T tự xác định, anh chị có 02 người con chung tên: Trần Văn S, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1997 và Trần Thị KN, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thúy T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Trần Thị KN đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Trần Thị KN nhưng anh Trần Văn M không có ý kiến yêu cầu gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy T phù hợp với ý kiến nguyện vọng của Trần Thị KN cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thời Trần Thị KN là con gái, chung sống với chị Nguyễn Thị Thúy T từ khi anh chị ly thân đến nay, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại. Do đó, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy T và ý kiến nguyện vọng của Trần Thị KN, giao người con chung của anh chị tên: Trần Thị KN, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị Thúy T tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Trần Thị KN là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Người con chung của anh chị tên: Trần Văn S, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1997 hiện nay đã thành niên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh chị không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị Thúy T không yêu cầu anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Thị Thúy T tự xác định, anh chị không có tài sản chung và cam kết, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thúy T được ly hôn với anh Trần Văn M.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên: Trần Thị KN, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị Thúy T tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Trần Thị KN và hiện nay đang chung sống với chị Nguyễn Thị Thúy T. Trần Văn S, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1997 hiện nay đã thành niên, có cuộc sống riêng, anh chị không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thúy T không yêu cầu anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị Thúy T tự xác định và cam kết, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thúy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003221 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Thúy T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 26/9/2024. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã N, AB, Kiên Giang;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo